

Số: 551/TTr-UBND

Thanh Trị, ngày 08 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua nội dung Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng
vùng huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Công văn số 1037/UBND-XD ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chấp thuận chủ trương lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Công văn số 850/SXDQHKT ngày 12/4/2024 và Biên bản thẩm định số 02/BBTĐQH-SXD ngày 12/4/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng về việc thông báo kết quả thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị đã hoàn thiện hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 theo Biên bản thẩm định của Sở Xây dựng và ý kiến của các Sở Ban ngành

liên quan, nay kính trình Hội đồng nhân dân huyện các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu trực tiếp gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Thạnh Trị với diện tích tự nhiên là 287,18 km² (28.717,85 ha).

- Ranh giới tiếp giáp xung quanh như sau:

+ Phía Bắc: giáp huyện Mỹ Tú;

+ Phía Nam: giáp huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;

+ Phía Đông: giáp huyện Mỹ Xuyên;

+ Phía Tây: giáp thị xã Ngã Năm.

3. Tính chất, chức năng, vai trò

- Tính chất: là một trong những huyện quan trọng của tỉnh về sản xuất nông nghiệp, với mũi nhọn là sản xuất lúa, theo hướng nông nghiệp xanh, thông minh và ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở ưu tiên phát triển các khu nông nghiệp tập trung, kết hợp phát triển nâng cao tỷ trọng khu vực thương mại dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế, được xây dựng đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 và hướng tới đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao ở các giai đoạn tiếp theo.

- Chức năng, vai trò : Là huyện cửa ngõ phía tây nam của tỉnh Sóc Trăng gắn với các trục hành lang kinh tế QL.1, QL.61B và trục Đông Tây của tỉnh có vai trò kết nối không gian với tỉnh Bạc Liêu, chức năng liên kết phát triển kinh tế cho Vùng kinh tế nội địa của tỉnh Sóc Trăng gồm thị xã Ngã Năm, huyện Mỹ Tú và huyện Mỹ Xuyên.

4. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Thạnh Trị theo Nghị quyết Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua công tác quy hoạch xây dựng vùng huyện.

- Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các định hướng quy hoạch có liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch huyện Thạnh Trị theo các tiêu chí của huyện nông thôn mới và 06 chương trình chuyên đề trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 nhằm xác định thực trạng và các nhiệm vụ cần hoàn thiện theo các tiêu chí được quy định. Từ đó, làm cơ sở trình cấp thẩm quyền công nhận huyện nông thôn mới.

- Quy hoạch Vùng huyện Thạnh Trị sẽ trở thành huyện nông nghiệp phát triển theo hướng nông nghiệp xanh, thông minh, gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Sóc Trăng phát huy lợi thế cửa ngõ phía tây nam gắn với các tuyến giao thông Quốc gia.

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng phát triển, hệ thống điểm dân cư đô thị và nông thôn, bố trí cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của huyện đề ra

trong mối quan hệ với vùng tỉnh và các khu vực xung quanh.

- Xác định cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện. Là cơ sở để thẩm định sự phù hợp các công trình, dự án đối với quy hoạch xây dựng.

5. Dự báo quy mô

5.1 Quy mô dân số

- Đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 125.838 người
- Đến năm 2040 dân số toàn huyện khoảng 140.092 người

5.2 Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản:

- Chỉ tiêu đất dân dụng đô thị loại IV: 50-80m²/người.
- Chỉ tiêu đất dân dụng đô thị loại V: 70-100m²/người.
- Phụ tải điện sinh hoạt đô thị ≥ 330 W/người.
- Phụ tải điện sinh hoạt nông thôn ≥ 150 W/người.
- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị : 120 lít/người/ngày đêm, tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch 100%.
- Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn : 100-lít/người/ngày đêm.
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý $\geq 80\%$ lượng nước cấp.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý $\geq 98\%$.

6. Các yêu cầu chủ yếu trong đồ án quy hoạch

- Đánh giá hiện trạng vùng huyện
- Xác định các tiền đề phát triển vùng huyện
- Định hướng phát triển không gian vùng, gồm có:
 - + Mô hình phát triển không gian vùng;
 - + Định hướng phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn;
 - + Định hướng vùng phát triển sản xuất nông nghiệp;
 - + Định hướng vùng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp;
 - + Định hướng vùng du lịch, cảnh quan, bảo tồn;
- Định hướng các trung tâm, hạ tầng xã hội cấp vùng huyện (hành chính, giáo dục, đào tạo, thương mại – dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, y tế);
 - + Định hướng các khu chức năng khác.
- Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, gồm có:
 - + Giao thông;
 - + Chuẩn bị kỹ thuật;
 - + Cấp nước;
 - + Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang;
 - + Cấp điện;
 - + Thông tin liên lạc.
- Đánh giá môi trường
- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư
- Đề xuất cơ chế quản lý phát triển vùng huyện
 - + Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện;
 - + Đề xuất các cơ chế giải pháp thực hiện quy hoạch vùng huyện.

7. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch

Căn cứ theo Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây

dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch xây dựng nông thôn và các quy định có liên quan, thành phần hồ sơ như sau;

7.1. Hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch

a. Bản vẽ

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng – tỷ lệ thích hợp.
- Bản đồ ranh giới và phạm vi lập quy hoạch huyện – tỷ lệ thích hợp.

b. Thuyết minh, văn bản

- Thuyết minh nhiệm vụ (kèm bản vẽ A3 thu nhỏ).
- Phụ lục gồm các văn bản pháp lý liên quan, bảng biểu, hình ảnh minh họa,...
- Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch.
- Địa lưu trữ hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch.

7.2. Hồ sơ Đồ án quy hoạch

a. Bản vẽ

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng – tỷ lệ thích hợp.
- Các bản đồ hiện trạng vùng – tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.
- Bản đồ phân vùng quản lý phát triển – tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.
- Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng – tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.
- Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng – tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.

(Các bản đồ quy hoạch phải được thể hiện trên nền bản đồ địa hình trong phạm vi toàn huyện theo hệ tọa độ VN-2000)

b. Thuyết minh, văn bản

- Thuyết minh tổng hợp (kèm bản vẽ A3 thu nhỏ)
- Dự thảo Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện.
- Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.
- Các phụ lục kèm theo thuyết minh: các văn bản pháp lý, các bảng biểu, số liệu, các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh, hình ảnh minh họa,...
- Địa lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch.

8. Dự toán kinh phí lập quy hoạch

- Tổng dự toán lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện là: 1.776.278.311 (Một tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm mười một đồng).

- Nguồn vốn: ngân sách huyện.

9. Tổ chức thực hiện quy hoạch

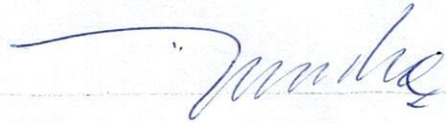
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
- Cơ quan chủ đầu tư : Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Thực hiện theo Luật Đấu thầu.

Trên đây là các nội dung chính của Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét thông qua làm cơ sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Thành viên UBND;
- Lưu VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Chúc

BÁO CÁO TÓM TẮT

**NHIỆM VỤ
QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG
ĐẾN NĂM 2040 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

THÁNG 05 NĂM 2024

MỤC LỤC

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH	1
II. PHẠM VI VÀ QUY MÔ	1
III. CÁC ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH CẤP TRÊN CÓ LIÊN QUAN	2
IV. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN THANH TRỊ	4
V. TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG VÙNG HUYỆN.....	4
VI. TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG HUYỆN	4
VII. CÁC DỰ BÁO	7
VIII. CÁC YÊU CẦU NỘI DUNG NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN	9
IX. HỒ SƠ SẢN PHẨM.....	14
X. DỰ TOÁN KINH PHÍ	15
XI. TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	15

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH

Sóc Trăng là tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), với vị trí địa lý kinh tế chiến lược của tỉnh nằm tiếp cận biển Đông và các tuyến giao thông quan trọng của vùng ĐBSCL, thuận lợi tiếp cận cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, cảng logistics,... Bên cạnh đó, Sóc Trăng là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, có các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể mang bản sắc văn hoá đa dạng của 3 dân tộc Kinh, Hoa và Khmer.

Huyện Thạnh Trị nằm ở phía Tây Nam tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng khoảng 32km, cách thành phố Bạc Liêu khoảng 16km. Theo định hướng Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phân chia không gian tỉnh thành 04 vùng, gồm có:

- Vùng kinh tế ven biển (gồm thành phố Sóc Trăng, huyện Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu).
- Vùng kinh tế ven sông Hậu (gồm huyện Châu Thành, huyện Kế Sách và huyện Long Phú).
- Vùng kinh tế nội địa (gồm thị xã Ngã Năm, huyện Mỹ Tú, huyện Thạnh Trị, và huyện Mỹ Xuyên).
- Vùng huyện đảo Cù Lao Dung.

Với định hướng phân vùng của tỉnh, huyện Thạnh Trị nằm trong vùng kinh tế nội địa có không gian gần với các huyện Mỹ Xuyên, Mỹ Tú và thị xã Ngã Năm với các trục giao thông quan trọng là tuyến QL.1, QL.61B nối dài và tuyến hành lang Đông Tây của tỉnh (ĐT.937B). Bên cạnh đó, Thạnh Trị có vị trí tiếp giáp huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu và đóng vai trò là cửa ngõ phía tây nam của tỉnh.

Trong những năm qua, với sự phấn đấu, đồng lòng của Chính quyền và nhân dân địa phương, huyện Thạnh Trị đã có nhiều thành tựu ở nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội. Theo Nghị quyết Đảng bộ huyện Thạnh Trị nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện xác định phấn đấu trong giai đoạn 2020-2025 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Bên cạnh đó, xây dựng các đô thị thuộc huyện gồm thị trấn Phú Lộc (huyện lỵ), thị trấn Hưng Lợi hoàn thiện các tiêu chí đô thị.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng huyện Thạnh Trị đạt tiêu chí huyện nông thôn mới, công tác lập Quy hoạch xây dựng Vùng huyện theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng về xây dựng huyện nông thôn mới là cần thiết nhằm định hướng một cách tổng thể không gian phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện thông qua việc quy hoạch hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn, phân vùng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch,... định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật kết nối toàn huyện và liên hệ với các khu vực lân cận trên cơ sở phù hợp với Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện là cơ sở để địa phương chủ động kêu gọi đầu tư, phân bổ nguồn vốn ưu tiên đầu tư cho các dự án trọng điểm, và triển khai các dự án đầu tư một cách hệ thống và hiệu quả, xây dựng huyện Thạnh Trị đạt các tiêu chí định hướng đề ra.

II. PHẠM VI VÀ QUY MÔ

- Phạm vi ranh giới nghiên cứu quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạnh Trị gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Thạnh Trị.

- Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Bắc: giáp huyện huyện Mỹ Tú;
- + Phía Nam: giáp huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- + Phía Đông: giáp huyện Mỹ Xuyên;
- + Phía Tây: giáp thị xã Ngã Năm.

- Quy mô, diện tích khu vực lập quy hoạch xây dựng vùng là 287,18 km² (28.717,85 ha) theo Niên giám thống kê huyện Thạnh Trị năm 2022.

III. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

- Cụ thể hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Thạnh Trị theo Nghị quyết Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua công tác quy hoạch xây dựng vùng huyện;

- Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các định hướng quy hoạch có liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch huyện Thạnh Trị theo các tiêu chí của huyện nông thôn mới và 06 chương trình chuyên đề trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm xác định thực trạng và các nhiệm vụ cần hoàn thiện theo các tiêu chí được quy định. Từ đó, làm cơ sở trình cấp thẩm quyền công nhận huyện nông thôn mới.

- Quy hoạch Vùng huyện Thạnh Trị sẽ trở thành huyện nông nghiệp phát triển theo hướng nông nghiệp xanh, thông minh, gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Sóc Trăng phát huy lợi thế cửa ngõ phía tây nam gắn với các tuyến giao thông Quốc gia.

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng phát triển, hệ thống điểm dân cư đô thị và nông thôn, bố trí cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của huyện đề ra trong mối quan hệ với vùng tỉnh và các khu vực xung quanh.

- Xác định cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện. Là cơ sở để thẩm định sự phù hợp các công trình, dự án đối với quy hoạch xây dựng.

IV. CÁC ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH CẤP TRÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng

Theo định hướng của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 7/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng xác định giai đoạn đến năm 2030, tỉnh Sóc Trăng có :

- + 06 thị trấn là đô thị loại IV trong đó có thị trấn Phú Lộc thuộc huyện Thạnh Trị.
- + 08 thị trấn là đô thị loại V trong đó có thị trấn Hưng Lợi thuộc huyện Thạnh Trị.

2. Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Theo Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng, định hướng phát triển huyện Thạnh Trị gồm các yếu tố trọng tâm là: phát triển mạng lưới đô thị và nông thôn; Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp. Phát triển các khu nông nghiệp tập trung, khu nhân giống và sản xuất lúa đặc sản, xây dựng các cánh đồng thông minh; chuyển đổi nông nghiệp bền vững, hình thành các khu nông nghiệp, trồng màu, chăn nuôi gia súc theo hướng kết hợp ứng dụng

công nghệ cao; Phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, phát triển các khu chức năng tổng hợp. Trong đó, một số định hướng cơ bản gồm :

❖ Phát triển hệ thống đô thị thuộc huyện Thạnh Trị gồm có :

- Giai đoạn đến năm 2030: gồm 02 đô thị hiện hữu
 - + Thị trấn Phú Lộc : phát triển theo tiêu chí đô thị loại IV giai đoạn 2026-2030.
 - + Thị trấn Hưng Lợi : phát triển hoàn thiện theo tiêu chí đô thị loại V.
- Giai đoạn tầm nhìn 2031-2050: phát triển thêm 02 đô thị loại V
 - + Đô thị Thạnh Tân.
 - + Đô thị Vĩnh Lợi.

❖ Một số định hướng chủ yếu về phát triển hạ tầng, khu chức năng :

- Hình thành Cụm công nghiệp Thạnh Trị, quy mô 75 ha tại thị trấn Phú Lộc, gần với tuyến ĐT.937B.

- Về phát triển giao thông vận tải: giao thông đối ngoại gồm tuyến Quốc lộ 61B được quy hoạch nối dài kết nối với QL.91B (Nam Sông Hậu), giao cắt Quốc lộ 1. Bên cạnh đó, tuyến ĐT.937B (tuyến Đông Tây của tỉnh) sẽ nối dài giao cắt với Quốc lộ 1 và đi về phía cảng Trần Đề. Định hướng đầu tư phát triển các tuyến đường tỉnh tối thiểu đạt cấp III đồng bằng, đảm bảo kết nối đồng bộ, các đường huyện quan trọng đạt chuẩn tối thiểu cấp VI,V.

- Về phát triển mạng lưới cấp nước: huyện Thạnh trị thuộc khu vực ít thuận lợi về nguồn nước, định hướng cải tạo, nâng cấp các nhà máy nước hiện có với giải pháp phù hợp.

- Về phòng cháy, chữa cháy : mỗi huyện có 01 đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm huyện, cụm công nghiệp.

- Về mạng lưới hạ tầng xã hội :

+ Giáo dục và đào tạo : tiếp tục sắp xếp mạng lưới trường lớp, tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, cải tạo nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên của huyện.

+ Y tế: nâng cấp, thay thế trang thiết bị của trung tâm y tế huyện, tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã. Khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập, ưu tiên kêu gọi đầu tư cơ sở y tế đạt chuẩn quốc tế, kết hợp với du lịch chăm sóc sức khỏe.

+ Văn hóa thể thao : xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn, đầu tư các công trình văn hóa thể thao trọng điểm. Đầu tư hoàn thiện các hạng mục, trang thiết bị của trung tâm văn hóa-thể thao-truyền thanh cấp huyện. Chú trọng công tác tu bổ các di tích, công trình tôn giáo, tín ngưỡng đặc trưng của địa phương. Xã hội hóa các dự án văn hóa, thể thao.

+ Thương mại, dịch vụ: Phát triển các trung tâm thương mại cấp huyện, cấp khu vực, các trung tâm trưng bày sản phẩm OCOP, siêu thị, chợ theo hướng khuyến khích xã hội hóa.Cải tạo, nâng cấp và xây mới các chợ ở tuyến xã. Kết hợp khai thác các hoạt động dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện.

Ngoài ra, các định hướng khác liên quan sẽ được nghiên cứu làm rõ trong giai đoạn nghiên cứu lập đồ án quy hoạch.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ TÒN TẠI CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN THANH TRỊ

Qua đánh giá thực trạng và các định hướng phát triển của tỉnh, huyện có liên quan, xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết gồm có:

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển trong quy hoạch tỉnh Sóc Trăng trên địa bàn huyện Thanh Trị và các định hướng phát triển kinh tế xã hội của Đảng bộ, Chính quyền huyện đề ra có liên quan vào định hướng quy hoạch vùng huyện.

- Rà soát các tiêu chí huyện nông thôn mới và 06 chương trình chuyên đề trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, từ đó đề xuất các định hướng quy hoạch vùng huyện nhằm đáp ứng các tiêu chí theo quy định, làm cơ sở để địa phương có kế hoạch đầu tư xây dựng các hạng mục công trình động lực phát triển kinh tế.

- Rà soát mạng lưới các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của toàn huyện, trong đó cần quan tâm đánh giá đến hệ thống đường huyện trên địa bàn, làm cơ sở để xuất các giải pháp nâng cấp cải tạo và xây dựng mới, đảm bảo phục vụ hiệu quả đời sống và phát triển kinh tế cho nhân dân trong huyện.

- Rà soát cập nhật và điều chỉnh các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và khu chức năng đã phê duyệt trên địa bàn huyện nhằm đảm bảo đồng bộ với quy hoạch tỉnh và quy hoạch huyện.

- Căn cứ vào thực trạng để xác định các yếu tố động lực chính dựa trên thế mạnh, tiềm năng của huyện như : giao thông kết nối vùng, phân vùng phát triển, hệ thống các trung tâm dịch vụ, hạ tầng xã hội phục vụ dân cư đô thị và nông thôn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và phát triển đô thị, nông thôn. Từ đó, đề xuất các giải pháp xây dựng mới, nâng cấp cải tạo các hạng mục xây dựng trong đồ án quy hoạch.

- Vấn đề ổn định và phát triển dân số, nâng cao chất lượng-lao động, cần có giải pháp tạo động lực, sức hút nhằm tạo môi trường thuận lợi về việc làm, phát triển kinh tế ổn định cho người dân địa phương và thu hút lao động có trình độ từ các vùng lân cận.

VI. TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG VÙNG HUYỆN

- Tính chất: Là một trong những huyện quan trọng của tỉnh về sản xuất nông nghiệp, với mũi nhọn là sản xuất lúa, theo hướng nông nghiệp xanh, thông minh và ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở ưu tiên phát triển các khu nông nghiệp tập trung, kết hợp phát triển nâng cao tỷ trọng khu vực thương mại dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế, được xây dựng đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 và hướng tới đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao ở các giai đoạn tiếp theo.

- Chức năng: Là huyện cửa ngõ phía tây nam của tỉnh Sóc Trăng gắn với các trục hành lang kinh tế QL.1; QL.61B và trục Đông Tây của tỉnh có vai trò kết nối không gian với tỉnh Bạc Liêu, chức năng liên kết phát triển kinh tế cho Vùng kinh tế nội địa của tỉnh Sóc Trăng gồm thị xã Ngã Năm, huyện Mỹ Tú, huyện Thanh Trị, và huyện Mỹ Xuyên.

(Ghi chú : tính chất, chức năng và vai trò của vùng huyện sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện)

VII. TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG HUYỆN

1. Về giao thông, kết nối vùng

Giao thông đường bộ là một thuận lợi khá lớn đối với huyện Thanh Trị với các tuyến

giao thông hiện hữu và dự kiến trong tương lai sẽ góp phần kết nối và thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn huyện. Trong đó, gồm có các tuyến sau:

a. Giao thông đường bộ cấp Quốc gia

- Các tuyến đi qua địa bàn huyện :

+ Quốc lộ 1: là tuyến huyết mạch hiện hữu kết nối tỉnh Sóc Trăng với các tỉnh trong Vùng ĐBSCL và các vùng kinh tế khác của cả nước, tuyến đi về phía nam của huyện Thạnh Trị.

+ Quốc lộ 61B: là tuyến trục ngang kết nối huyện Thạnh Trị với thị xã Ngã Năm và đi tỉnh Hậu Giang, ngoài ra đây là tuyến giúp kết nối với QL.Quản lộ Phụng Hiệp ở phía bắc. Về phía nam, theo định hướng của quy hoạch giao thông tỉnh sẽ nối dài tuyến QL.61B cắt qua QL.1 và kết nối với QL.91B Nam Sông Hậu.

- Các tuyến có vai trò kết nối :

+ Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng : tuyến đường không đi qua địa bàn huyện nhưng tiếp giáp ở phía đông bắc (qua huyện Mỹ Tú kết nối về cảng Trần Đề), là một trục kết nối quan trọng, hiện nay tuyến đường đang triển khai thực hiện dự án.

+ Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu: tuyến đường dự kiến đi ở phía tây nam huyện đi qua thị xã Ngã Năm và tỉnh Bạc Liêu, đây cũng là một tuyến kết nối thuận lợi cho huyện trong tương lai.

+ Quốc lộ Quản Lộ Phụng Hiệp : là tuyến giao thông quốc gia kết nối từ tỉnh Hậu Giang với các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau đi ở phía bắc huyện Thạnh Trị, tuyến đường đi qua huyện Mỹ Tú và Thị xã Ngã Năm kết nối với tuyến QL.61B và đường Đông Tây (ĐT.937B).

b. Giao thông đường bộ cấp tỉnh:

+ ĐT.937B (trục Đông Tây) : là tuyến trục ngang theo hướng Đông Tây mang tính động lực quan trọng của tỉnh Sóc Trăng, có vai trò tác động và kết nối toàn bộ khu vực phía nam của tỉnh, trong đó có huyện Thạnh Trị.

+ ĐT.940: là tuyến trục dọc bắc nam quan trọng của tỉnh kết nối khu vực phía tây của tỉnh gồm thị xã Vĩnh Châu, huyện Mỹ Xuyên, huyện Thạnh Trị, huyện Mỹ Tú và nối ra QL. Quản Lộ Phụng Hiệp.

+ ĐT.938: là tuyến kết nối phía bắc huyện nối với huyện Mỹ Tú và TP Sóc Trăng.

a.3. Giao thông đường thủy: Khai thác tuyến ngã Năm – Mỹ Tú – Thạnh Trị - Mỹ Xuyên.

2. Về phát triển công nghiệp - TTCN

- Theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh Sóc Trăng, dự kiến sẽ đầu tư Cụm công nghiệp Thạnh Trị, quy mô 75 ha tại thị trấn Phú Lộc, gần với tuyến ĐT.937B, ngành nghề chế biến nông thủy sản, cơ khí, may mặc, công nghiệp hỗ trợ. Cụm công nghiệp hình thành là một động lực tác động tích cực đến nền kinh tế của huyện.

3. Về phát triển nông nghiệp

- Nông nghiệp vẫn là lĩnh vực chủ đạo trong nền kinh tế huyện Thạnh Trị, trong đó mũi nhọn là trồng lúa đặc sản, chất lượng cao kết hợp chăn nuôi đại gia súc, trên cơ sở triển khai

các đề án phát triển nông nghiệp như : cánh đồng thông minh, nông nghiệp hữu cơ, chuyên canh màu quy mô lớn,....

- Bên cạnh đó, phát triển vùng hoa màu, phát triển các sản phẩm OCOP thế mạnh của địa phương. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là vốn các chương trình, dự án để thực hiện Dự án/kế hoạch phát triển chăn nuôi bò thịt, Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, Đề án lúa đặc sản..., góp phần nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Huyện Thanh Trì xây dựng khu nông nghiệp hiệu quả cao 8ha tại Ấp Xa Mau 2, Thị trấn Phú Lộc.

- Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung (10 cánh đồng lớn, diện tích 300 - 500 ha), gắn với ứng dụng khoa học - kỹ thuật, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực bảo quản nông sản, liên kết sản xuất chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng; tăng cường ứng dụng công nghệ cao, thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp.

- Phát triển các khu vực chăn nuôi tập trung vật nuôi có giá trị cao theo quy hoạch tỉnh.

- Phát triển nông nghiệp bám sát các tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 và 06 chương trình chuyên đề trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

4. Về phát triển thương mại, dịch vụ

- Phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ cấp huyện tại thị trấn Phú Lộc và thị trấn Hưng Lợi nhằm thu hút đầu tư, phát triển đô thị và tạo động lực phát triển cần thiết cho các khu vực lân cận.

- Bên cạnh đó, đồng thời phát triển các cơ sở thương mại dịch vụ cấp khu vực tại các xã có các tuyến giao thông quan trọng của quốc gia, tỉnh và huyện đi qua.

5. Về phát triển đô thị, nông thôn

- Phát triển 02 đô thị hiện có là thị trấn Phú Lộc và thị trấn Hưng Lợi, trong đó định hướng xây dựng thị trấn Phú Lộc theo tiêu chí đô thị loại IV cho giai đoạn 2026-2030, thị trấn Hưng Lợi hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V. Các đô thị đóng vai trò là trung tâm phát triển của các hoạt động dịch vụ, thương mại của toàn huyện.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư, khai thác hệ thống chợ, khu phố thương mại tại các xã, các điểm trung tâm cụm xã trên địa bàn huyện.

6. Về phát triển du lịch

- Với những nét văn hóa đặc trưng từ lễ hội đua ghe Ngo (huyện Thanh Trì, huyện Châu Thành, huyện Mỹ Xuyên) của người Khmer đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh, cùng với đó là các lễ hội văn hóa đầy màu sắc khác nhau, huyện Thanh Trì là nơi có tiềm năng phát triển về các loại hình du lịch trải nghiệm, du lịch tìm hiểu về văn hóa dân tộc, du lịch cộng đồng, tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc.

- Với các công trình tôn giáo, di tích lịch sử cấp quốc gia và cấp tỉnh do đó là tiền đề thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch tâm linh.

- Huyện đóng vai trò là điểm dừng chân liên kết các tour du lịch từ TPHCM đến Cà Mau, cung cấp các dịch vụ ăn uống, giải trí, giao lưu văn hóa, tìm hiểu các đặc sản địa phương,...

VIII. CÁC DỰ BÁO

Quy mô dự báo dân số cho các giai đoạn phát triển vùng huyện Thanh Trì đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

Bảng 1: Dự báo quy mô dân số huyện Thanh Trì đến năm 2040

STT	HẠNG MỤC	HIỆN TRẠNG 2022 (người)	GIAI ĐOẠN 2025 (người)	GIAI ĐOẠN 2030 (người)	GIAI ĐOẠN 2040 (người)	GIAI ĐOẠN 2050 (người)
1	Đô thị	36.492	38.264	42.471	49.048	55.552
2	Nông thôn	83.745	82.042	83.367	91.043	109.959
	TỔNG CỘNG	120.237	120.306	125.838	140.092	165.511

1.1. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa

Theo định hướng quy hoạch tỉnh, huyện Thanh Trì sẽ gồm 04 đô thị là: thị trấn Phú Lộc, thị trấn Hưng Lợi, đô thị Thanh Tân, đô thị Vĩnh Lợi. Căn cứ trên dự báo dân số đô thị và dân số toàn huyện qua các giai đoạn, tỷ lệ đô thị hóa vùng huyện Thanh Trì dự báo như sau:

Bảng 2: Dự báo tỷ lệ đô thị hóa

STT	HẠNG MỤC	HIỆN TRẠNG 2022	GIAI ĐOẠN 2025	GIAI ĐOẠN 2030	GIAI ĐOẠN 2040	GIAI ĐOẠN 2050
1	Dân số đô thị (người)	36.492	38.264	42.471	49.048	55.552
2	Dân số toàn huyện (người)	120.237	120.306	125.838	140.092	165.511
3	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	30,35	31,81	33,75	35,01	33,56

1.2. Dự báo quy mô đất đai

Với định hướng xây dựng huyện Thanh Trì qua các dự báo như trên, dự báo quy mô đất dân dụng đô thị và các khu dân cư nông thôn trên địa bàn vùng huyện qua các giai đoạn như sau:

Bảng 3: Dự báo sơ bộ đất đai

Hạng mục	Giai đoạn 2025	Giai đoạn 2030	Giai đoạn 2040	Giai đoạn 2050
Quy mô đất dân dụng đô thị (ha)	553	594	711	813
Quy mô đất dân dụng khu dân cư nông thôn (ha)	486	494	507	623

(Ghi chú : quy mô đất dân dụng được tính toán dựa trên dân số đô thị, nông thôn dự báo và chỉ tiêu đất dân dụng đô thị, nông thôn thể hiện ở mục “2.1 Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội”)

2. Đề xuất lựa chọn các chỉ tiêu quy hoạch

- Căn cứ Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII về phân loại đô thị,

- Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của BXD về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Các chỉ tiêu được đề xuất như sau:

2.1. Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội

- Chỉ tiêu đất dân dụng đô thị loại IV: 50-80m²/người.
- Chỉ tiêu đất dân dụng đô thị loại V: 70-100m²/người.
- Chỉ tiêu đất dân dụng khu vực nông thôn: 80m²/người.

2.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 4: các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Giai đoạn	
			Giai đoạn đến 2030	Giai đoạn 2031-2050
1	Giao thông đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5$ m)	km/km ²	≥ 6	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất xây dựng đô thị loại IV	%	≥ 16	≥ 18
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất xây dựng đô thị loại V	%	≥ 11	≥ 16
2	Cấp nước			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	l/người/ngày đêm	100	120
	+ Tỷ lệ cấp nước đô thị	%	98	100
	+ Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn	l/người/ngày đêm	80	100
3	Thoát nước thải			
	- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt	% cấp nước	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$
	- Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp	% cấp nước	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$
	- Chất thải rắn:			

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Giai đoạn	
			Giai đoạn đến 2030	Giai đoạn 2031- 2050
	+ Đô thị	Kg/người	$\leq 0,9$	$\leq 0,9$
	+ Nông thôn	Kg/người	$\leq 0,8$	$\leq 0,8$
4	Cấp điện			
	- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt đô thị	W/người	≥ 330	≥ 330
	- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt nông thôn	W/người	≥ 150	≥ 150
5	Thu gom và xử lý chất thải rắn			
	- Chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	≥ 98	≥ 99
	- Chất thải rắn nguy hại		100	100

(Ghi chú: các dự báo, các chỉ tiêu nêu trên sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập đồ án quy hoạch vùng huyện Thạnh Trị)

IX. CÁC YÊU CẦU NỘI DUNG NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN

1. Yêu cầu về đánh giá hiện trạng vùng huyện

- Phân tích các điều kiện tự nhiên.
- Hiện trạng các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, tình hình sử dụng đất đai.
- Hiện trạng hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn.
- Hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, trong đó cần quan tâm đánh giá hệ thống đường huyện trên địa bàn.
- Phân tích, đánh giá những yếu tố mang tính đặc thù của vùng.
- Rà soát, đánh giá các quy hoạch đang có hiệu lực, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện có liên quan.
- Đánh giá tổng hợp điều kiện hiện trạng vùng huyện.

2. Xác định các tiền đề phát triển vùng huyện

- Bối cảnh phát triển vùng.
- Mục tiêu, quan điểm phát triển vùng.
- Tiềm năng, động lực phát triển vùng.
- Tính chất vùng.
- Dự báo quy mô dân số, lao động, đất đai, tỷ lệ đô thị hóa, dự báo phát triển của các ngành, lĩnh vực... theo các giai đoạn phát triển ngắn hạn và dài hạn.
- Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật chủ yếu áp dụng cho khu vực đô thị và nông thôn theo các giai đoạn phát triển.
- Xác định các nội dung định hướng về tầm nhìn phát triển vùng đến năm 2050.

3. Định hướng phát triển không gian vùng

3.1. Mô hình phát triển không gian vùng.

- Xác định mô hình, cấu trúc phát triển không gian vùng phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội của huyện.

- Đề xuất phương án phân bố các tiểu vùng kiểm soát quản lý phát triển, trong đó xác định quy mô, ranh giới các không gian phát triển như: khu vực phát triển đô thị, khu vực phát triển dân cư nông thôn; khu vực phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ,...

- Nghiên cứu hướng phát triển không gian kinh tế của huyện gắn với các vùng lân cận như tỉnh Bạc Liêu, thị xã Ngã Năm, huyện Mỹ Tú và huyện Mỹ Xuyên. Xác định hướng phát triển chủ yếu, thứ yếu làm cơ sở đầu tư các hạ tầng phục vụ và kêu gọi đầu tư có hiệu quả.

3.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn

- Xác định và tổ chức hệ thống đô thị thông qua nghiên cứu cấu trúc và mô hình phát triển phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hoá xã hội. Phân loại và xác định quy mô dân số, nhu cầu đất đai cho các đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính trên cơ sở phù hợp với quy hoạch tỉnh đã phê duyệt.

- Đối với không gian thị trấn Phú Lộc với đặc thù có 2 tuyến Quốc lộ đi qua, cần nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển không gian phù hợp làm cơ sở triển khai điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn.

- Xác định các điểm dân cư nông thôn, tổ chức phân bố trung tâm cụm xã, trung tâm xã, đề xuất mô hình ở và hạ tầng kết nối trên cơ sở gắn kết các quy hoạch xã nông thôn mới trên địa bàn, khắc phục các bất cập, chồng chéo trong quy hoạch nếu có. Nâng cao chất lượng nông thôn đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 và 06 chương trình chuyên đề trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

3.3. Định hướng vùng phát triển sản xuất nông nghiệp

- Định hướng phân bố các tiểu vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản, trong đó cần lưu ý đến các vùng chuyên canh, sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, sản xuất hàng hóa đặc thù địa phương.

- Định hướng các vùng nguyên liệu tập trung gắn với ứng dụng khoa học - kỹ thuật, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao.

- Định hướng phát triển không gian nông nghiệp phù hợp các tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao qua các giai đoạn đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 và 06 chương trình chuyên đề trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

- Xác định Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn của huyện.

3.4. Định hướng vùng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp

- Cập nhật các định hướng quy hoạch khu vực phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh trên địa bàn huyện.

- Định hướng quy hoạch phát triển các khu sản xuất công nghiệp tập trung kết hợp gắn với hạ tầng kỹ thuật phục vụ, dành quỹ đất để phát triển các cụm công nghiệp trên cơ sở đồng

bộ về không gian, hạ tầng, bảo đảm tính thống nhất và khả thi của các đồ án quy hoạch, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn trong công tác quy hoạch.

3.5. Định hướng vùng du lịch, cảnh quan, bảo tồn

- Định hướng quy hoạch phát triển các khu vực cảnh quan đặc trưng của huyện, các trục cảnh quan điểm nhấn cho trung tâm huyện.

- Xác định các khu vực bảo tồn về di sản vật thể và phi vật thể, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn huyện.

- Xác định các vùng, khu vực hạn chế xây dựng.

- Định hướng các khu vực phát triển, khai thác các khu, tuyến, điểm du lịch đặc trưng, qua đó phát triển các loại hình du lịch như: du lịch văn hóa tâm linh, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng, ... với vai trò là điểm dừng chân cho các tuyến du lịch từ TPHCM và các vùng khác về ĐBSCL.

3.6. Định hướng các trung tâm, hạ tầng xã hội cấp vùng huyện

a. Trung tâm hành chính:

- Xác định các khu vực phát triển trung tâm hành chính huyện : định hướng cho khu hành chính huyện hiện hữu và dự kiến phát triển trong tương lai gắn với các trục không gian cảnh quan đô thị.

- Định hướng phát triển cho các trung tâm hành chính các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

b. Giáo dục, đào tạo:

- Đề xuất định hướng phát triển mạng lưới giáo dục của huyện trên cơ sở các công trình hiện hữu và phát triển mới nhằm đảm bảo phục vụ cho người dân qua các giai đoạn phát triển đến năm 2040 trên cơ sở đáp ứng các chỉ tiêu ngành giáo dục và chỉ tiêu huyện nông thôn mới.

- Xác định vị trí, quy mô các trung tâm đào tạo cấp vùng huyện, trong đó có Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên.

- Đề xuất giải pháp, định hướng khuyến khích xã hội hóa các trường học ngoài công lập.

c. Xác định các khu vực phát triển trung tâm thương mại – dịch vụ

- Định hướng phát triển hệ thống trung tâm thương mại, chợ truyền thống ở các đô thị, các xã và trung tâm khu vực (cụm xã).

- Phát triển hệ thống các công trình dịch vụ phát triển du lịch, công trình dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng,....

- Đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển ngành thương mại dịch vụ gắn với định hướng của tỉnh Sóc Trăng.

d. Xác định các khu vực phát triển văn hóa, thể dục thể thao

- Đề xuất phát triển mạng lưới công trình văn hóa cấp huyện, xã trên cơ sở khai thác công trình công lập và khuyến khích xã hội hóa đối với công trình văn hóa, vui chơi giải trí,...

- Xác định các di tích văn hoá lịch sử, tôn giáo tín ngưỡng có giá trị nhằm bảo vệ, tôn tạo và khai thác gắn với du lịch.

- Đề xuất giải pháp phát triển hệ thống công viên cây xanh và thể dục thể thao, các không gian mở đô thị.

e. Xác định các khu vực phát triển trung tâm y tế.

- Đề xuất phát triển hệ thống công trình y tế cấp huyện, xã đảm bảo quy mô cho các giai đoạn phát triển của huyện.

- Giải pháp khai thác phát triển mạng lưới y tế ngoài công lập.

3.7. Định hướng các khu chức năng khác

- Xác định các vùng, khu vực có tính chất về an ninh quốc phòng;

- Các khu vực bảo vệ nghiêm ngặt (nếu có)

4. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng

- Đề xuất hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng huyện khớp nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật Quốc gia và tỉnh.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phát triển đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

4.1. Giao thông

- Đề xuất giải pháp quy hoạch giao thông thủy, bộ của Vùng trên cơ sở khớp nối với định hướng quy hoạch giao thông vận tải Quốc gia, tỉnh Sóc Trăng, huyện Thạnh Trị và các dự án giao thông có liên quan. Trong đó, cần nghiên cứu giải pháp cho 02 tuyến Quốc lộ là QL.1 và tuyến QL.61B nối dài về phía QL91B (Nam Sông Hậu) đi qua thị trấn Phú Lộc và giải pháp kết nối, khai thác tuyến đường Đông Tây của tỉnh (ĐT.937B).

- Đề xuất định hướng giải pháp kết nối trực cảnh quan đô thị cho thị trấn Phú Lộc gắn với các tuyến đối ngoại.

- Đề xuất giải pháp cải tạo, nâng cấp hệ thống các tuyến đường Quốc lộ, đường Tỉnh, đường Huyện hiện hữu.

- Xác định các hành lang giao thông quan trọng của Vùng.

- Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối giao thông Vùng như: bến xe, bến thủy,... và các tuyến vận tải công cộng.

4.2. Chuẩn bị kỹ thuật

- Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến đổi địa chất như: sạt lở tại các sông, rạch, biến đổi khí hậu nước biển dâng, cảnh báo các khu vực cấm và hạn chế xây dựng.

- Cập nhật, kết nối quy hoạch thủy lợi của vùng nghiên cứu.

- Đề xuất các giải pháp phòng chống và xử lý các tác động về địa chất, biến đổi khí hậu,...

- Xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính.

- Xác định cao độ xây dựng cho các đô thị và điểm dân cư tập trung trong vùng.

4.3. Cấp nước

- Đánh giá nguồn cấp nước như: chất lượng nguồn nước, trữ lượng tài nguyên nước mặt, nước ngầm.

- Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn cấp nước vùng.

- Dự báo tổng hợp nhu cầu dùng nước cho toàn vùng cũng như nhu cầu của các đô thị

và các điểm dân cư tập trung về: sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ,...

- Xác định các phương án lựa chọn nguồn nước và phân vùng cấp nước phù hợp với quy hoạch cấp nước vùng tỉnh.

- Đề xuất các giải pháp cấp nước cho các điểm đô thị và điểm dân cư tập trung.

- Xác định quy mô các công trình đầu mối, dây chuyền công nghệ xử lý nước, hệ thống truyền tải nước chính.

- Đưa ra các giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

4.4. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Xác định các chỉ tiêu nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang phục vụ cho đô thị và điểm dân cư nông thôn.

- Dự báo tổng khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang.

- Xác định các lưu vực thoát và nguồn tiếp nhận nước thải của các đô thị và điểm dân cư.

- Đề xuất các giải pháp về lựa chọn hệ thống thoát nước thải, giải pháp và công nghệ xử lý nước thải các đô thị, các khu chức năng lớn, các khu dân cư nông thôn.

- Tính toán nhu cầu-chất thải rắn của vùng, đề xuất giải pháp công nghệ, bố trí hệ thống các công trình tập kết, thu gom và xử lý chất thải rắn cho các đô thị, khu dân cư, khu sản xuất,... đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật về môi trường.

- Bố trí các khu vực nghĩa trang phục vụ cho người dân với bán kính phù hợp, đề xuất các giải pháp an táng trên cơ sở khai thác công nghệ hiện đại và bảo vệ môi trường sinh thái.

4.5. Cấp điện

- Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn cấp điện.

- Dự báo nhu cầu sử dụng điện cho toàn vùng, gồm có các đô thị, điểm dân cư tập trung, các khu vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ,

- Xác định nguồn cấp điện: các nhà máy điện, trạm biến áp.

- Các giải pháp cấp điện lưới, truyền tải và phân phối điện.

- Định hướng quy hoạch theo hướng ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo và thân thiện với môi trường.

4.6. Thông tin liên lạc

- Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn về hệ thống thông tin viễn thông.

- Dự báo nhu cầu sử dụng các thiết bị viễn thông.

- Xác định nguồn và mạng lưới cung cấp thông tin viễn thông.

5. Đánh giá môi trường

- Nhận định và đánh giá các vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn.

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng.

- Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch.

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

6. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo động lực phát triển vùng về đô thị, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường;
- Sắp xếp danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên, xác định về quy mô xây dựng,
- Phân kỳ đầu tư, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn đầu tư.

7. Đề xuất cơ chế quản lý phát triển vùng huyện

- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện.
- Đề xuất các cơ chế giải pháp thực hiện quy hoạch vùng huyện.

X. HỒ SƠ SẢN PHẨM

1. Hồ sơ sản phẩm

Căn cứ theo Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch xây dựng nông thôn; thành phần hồ sơ sản phẩm Quy hoạch vùng huyện Thạnh Trị - tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 gồm có:

1.1. Hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch

a) Bản vẽ

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng – tỷ lệ thích hợp.
- Bản đồ ranh giới và phạm vi lập quy hoạch huyện – tỷ lệ thích hợp.

b) Thuyết minh, văn bản

- Thuyết minh nhiệm vụ (kèm bản vẽ A3 thu nhỏ).
- Phụ lục gồm các văn bản pháp lý liên quan, bảng biểu, hình ảnh minh họa,...
- Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch.
- Địa lưu trữ hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch.

1.2. Hồ sơ Đồ án quy hoạch

a) Bản vẽ

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng – tỷ lệ thích hợp.
- Các bản đồ hiện trạng vùng – tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.
- Bản đồ phân vùng quản lý phát triển – tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.
- Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng – tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.
- Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng – tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.

(Các bản đồ quy hoạch phải được thể hiện trên nền bản đồ địa hình trong phạm vi toàn huyện theo hệ tọa độ VN-2000)

b) Thuyết minh, văn bản

- Thuyết minh tổng hợp (kèm bản vẽ A3 thu nhỏ)

- Dự thảo Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện.
- Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.
- Các phụ lục kèm theo thuyết minh: các văn bản pháp lý, các bảng biểu, số liệu, các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh, hình ảnh minh họa,...
- Địa lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch.

XI. DỰ TOÁN KINH PHÍ

- Kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạnh Trị – tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040 – tầm nhìn đến năm 2050 được lập căn cứ theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây Dựng V/v Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Tổng dự toán lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện là: **1.776.278.311** (Một tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm mười một đồng)

- Nguồn vốn : ngân sách huyện.

(Ghi chú: nội dung dự toán chi tiết được thể hiện trong phần phụ lục 1 “Dự toán kinh phí” đính kèm sau thuyết minh).

XII. TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tiến độ thực hiện

- Nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện được thực hiện trong thời gian 02 tháng.
- Đồ án quy hoạch vùng huyện được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Ghi chú: thời gian lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng huyện không kể thời gian chờ báo cáo, thẩm định, phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ khoản 3, điều 32, và khoản 3, điều 34 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014, Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạnh Trị đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 được tổ chức thực hiện như sau:

- Cơ quan phê duyệt Nhiệm vụ và Đồ án: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án: Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan tổ chức lập Nhiệm vụ và Đồ án: Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị;
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch : Thực hiện theo Luật Đấu thầu.